

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 01 - 2021

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

Bà Khổng Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Nh, sinh năm 1994; (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn V1, xã V2, huyện B, tỉnh Hà Giang

- Bị đơn: Anh Trương Văn M, sinh năm 1994; (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 28/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trương Thị Nh trình bày: chị và anh M chung sống với nhau từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn

đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2015 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trương Thị Nh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn M. Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Trương Thị Tường V, sinh ngày 26/10/2012, khi ly hôn chị Nh có nguyện vọng giao con cho anh Trương Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Trương Văn M nhiều lần nhưng anh M không có mặt để tham gia tố tụng do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trương Văn M theo luật định.

Tại các biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với bố mẹ đẻ anh Trương Văn M; trưởng thôn G, xã T; công chức tư pháp xã T; Trưởng công an xã T phản ánh về tình trạng hôn nhân của chị Trương Thị Nh và anh Trương Văn M như sau:

Anh Trương Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã T, huyện B. Tuy nhiên hiện nay anh Trương Văn M là lao động tự do, đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về, không rõ địa chỉ làm việc ở đâu. Chị Trương Thị Nh và anh Trương Văn M đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B trên cơ sở tự nguyện từ năm 2013, có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình chung sống chị Nh về làm dâu sống chung với gia đình chồng tại thôn G, xã T, đến năm 2015 chị Nh tự ý bỏ đi, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Thị Tường V, sinh ngày 26/10/2012. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cháu V ở với ông bà nội, bố cháu đi làm xa thỉnh thoảng mới về còn mẹ cháu đã bỏ về nhà ngoại ở xã V, huyện B nhiều năm nay. Theo ý kiến của chính quyền địa phương, hiện nay cháu V đã 8 tuổi, Tòa án giải quyết giao cháu cho bố hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng cần theo nguyện vọng của cháu V.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không đến tham gia tố tụng mặc dù Tòa án đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trương Thị Nh được ly hôn anh Trương Văn M. Về con chung: quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là các cháu Trương Thị Tường V, sinh ngày 26/10/2012, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu cho anh Trương Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ

18 tuổi, chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: nguyên đơn là chị Trương Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Trương Thị Nh có đơn khởi kiện “Ly hôn” với bị đơn là anh Trương Văn M, anh Trương Văn M có nơi cư trú tại xã T, huyện B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Trương Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trương Văn M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trương Văn M.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Nh và anh Trương Văn M xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến khoảng năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo nhưng không khắc phục được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị Trương Thị Nh có yêu cầu xin ly hôn anh Trương Văn M. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trương Thị Nh được ly hôn anh Trương Văn M.

[4] Về việc nuôi con: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Thị Tường V, sinh ngày 26/10/2012. Chị Nh có nguyện vọng giao con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, từ năm 2015 đến nay chị Nh đã về bên ngoại ở xã V, huyện B sinh sống, cháu V sống cùng bố và ông bà nội tại thôn G, xã T, cuộc sống sinh hoạt, việc học tập của cháu đã ổn định. Chị Trương Thị Nh có nguyện vọng giao con cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, cháu V cũng có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trương Thị Tường V, sinh ngày 26/10/2012 cho anh Trương Văn M trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho

đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nh có nguyện vọng không phải cấp dưỡng nuôi con, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Trương Văn M nhưng anh M không trình bày ý kiến, không có bất kỳ phản hồi nào cũng không đến tham gia tố tụng, do đó không có cơ sở để Tòa án xem xét, giải quyết. Vì quyền lợi của con chung anh M, chị Nh có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật trong vụ án khác.

[5] *Về chia tài sản chung*: chị Trương Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí*: nguyên đơn chị Trương Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Nh được ly hôn anh Trương Văn M.

2. Về việc nuôi con: Xử giao cháu Trương Thị Tường V, sinh ngày 26/10/2012 cho anh Trương Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Trương Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị Nh, anh M có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0001265 ngày 20 tháng 10 năm 2020.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hải Hà

